

TIẾT 105

Bài 34. ĐOẠN THẲNG. ĐỘ DÀI ĐOẠN THẲNG (Tiết 1)

I. MỤC TIÊU

1. Yêu cầu cần đạt

- Nhận biết được khái niệm đoạn thẳng.

2. Phát triển năng lực

- Năng lực giao tiếp toán học: Diễn đạt (nói, viết, vẽ hình) đúng đoạn thẳng.
- Năng lực sử dụng đồ dùng và phương tiện học toán: Sử dụng được dụng cụ, phương tiện thích hợp để vẽ hình theo yêu cầu.

- Năng lực giải quyết vấn đề toán học: Vận dụng kiến thức giải quyết vấn đề toán học liên quan.

3. Phẩm chất

Chăm chỉ: Chú ý lắng nghe, tích cực làm bài, kiên trì, sáng tạo, vượt khó hoàn thành nhiệm vụ học tập mà giáo viên đưa ra.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. **Chuẩn bị của GV:** Máy chiếu. Phiếu học tập. Các hình ảnh thực tế về đoạn thẳng. Các dụng cụ vẽ hình trên bảng: thước, compa, ê ke.

2. **Chuẩn bị của HS:** Các dụng cụ vẽ hình: thước, compa, ê ke.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động 1: MỞ ĐẦU (3 phút)

- a) **Mục tiêu:** HS tiếp cận với khái niệm đoạn thẳng thông qua các đồ vật quen thuộc.
- b) **Nội dung:** Cho HS quan sát vật thật hoặc một số hình ảnh thực tế: cây bút chì, thanh gỗ, chiếc đũa,...
- c) **Sản phẩm:** Nhận ra các vật được cây bút chì, thanh gỗ, chiếc đũa,... là những đoạn thẳng.
- d) **Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
Giáo viên chiếu hình ảnh (hoặc cho HS quan sát vật thật), giới thiệu về đoạn thẳng. Cho HS trả lời, sau đó GV dẫn dắt vào bài mới.	HS quan sát, lắng nghe.

Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI (22 phút)

1. Đoạn thẳng

- a) **Mục tiêu:** HS nhận biết một đoạn thẳng có hai đầu mút, điểm nằm giữa hai điểm. Đọc, vẽ được đoạn thẳng theo yêu cầu.
- b) **Nội dung:** Tìm tòi – Khám phá, Hộp kiến thức, Bài tập ? (SGK tr.51, 52).
- c) **Sản phẩm:**

– Tìm tòi – Khám phá:

HD1: Mỗi vị trí người đi xe đạp đi qua đều nằm giữa hai điểm A và B.

HD2: Điểm C nằm giữa A và B thì nằm trên phần vạch thẳng màu đen, điểm D không nằm giữa A và B thì không nằm trên phần này.



– Hộp kiến thức:

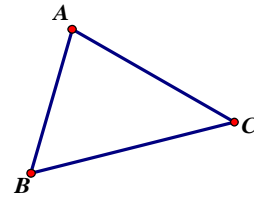
+ Đoạn thẳng AB, hay đoạn thẳng BA, là hình gồm hai điểm A, B cùng với tất cả các điểm nằm giữa A và B.



+ A, B là hai đầu mút (mút) của đoạn thẳng AB.

Bài tập ?:

Các đoạn thẳng trên hình vẽ là: AB, AC, BC.



d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<p>– GV chiếu nội dung và Hình 8.23 của HĐ1, yêu cầu HS quan sát, trả lời.</p>	<p>HS quan sát, trả lời. Mỗi vị trí người đi xe đạp đi qua đều nằm giữa hai điểm A và B.</p>
<p>– GV vẽ Hình 8.24 của HĐ2, chiếu nội dung và yêu cầu HS thực hiện.</p>	<p>HS vẽ hình, trả lời câu hỏi. 1 HS lên bảng trình bày, HS dưới lớp nhận xét.</p>
<p>Nhận xét, đánh giá. Rút ra khái niệm điểm nằm giữa hai điểm. Giới thiệu quãng đường từ A đến B, vạch thẳng nối 2 điểm AB là những đoạn thẳng.</p>	<p>Nghe hiểu.</p>
<p>– GV vẽ hình, giảng giải khái niệm về đoạn thẳng, đầu mút (mút) của đoạn thẳng AB.</p>	<p>HS nghe hiểu, vẽ hình vào vở.</p>
<p>– Bài tập ?:</p> <p>GV vẽ hình, yêu cầu HS đọc tên các đoạn thẳng.</p> <p>Hỏi: Có bạn cho rằng hình vẽ này gồm 6 đoạn thẳng: AB, BA, AC, CA, BC, CB. Ý kiến của em như thế nào?</p> <p>GV nhận xét, chốt lại cách đọc đoạn thẳng.</p>	<p>HS thực hiện cá nhân, báo cáo kết quả. HS trả lời.</p>

Hoạt động 3: LUYỆN TẬP (12 phút)

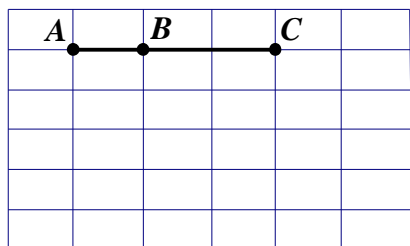
a) Mục tiêu: HS vẽ và đọc đúng đoạn thẳng theo yêu cầu.

b) Nội dung:

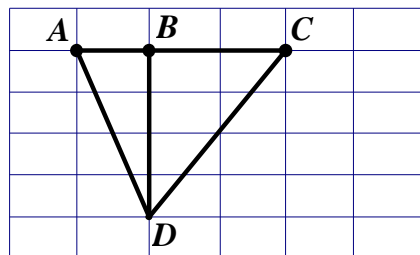
- Phiếu học tập Luyện tập 1 (SGK tr.52).
- Phiếu học tập bài tập: Cho bốn điểm E, F, G, H trong đó không có ba điểm nào thẳng hàng. Có thể vẽ được bao nhiêu đoạn thẳng từ bốn điểm trên? Hãy vẽ hình và đọc tên các đoạn thẳng đó.

c) Sản phẩm:

– Luyện tập 1: a) AB, AC, BC.

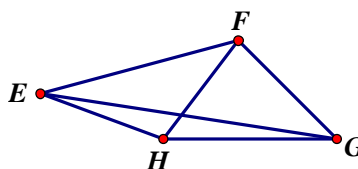


b) AB, AC, BC, AD, BD, CD.



– Bài tập:

Có 6 đoạn thẳng: EF, FG, GH, EH, EG, FH.



d) Tổ chức thực hiện:

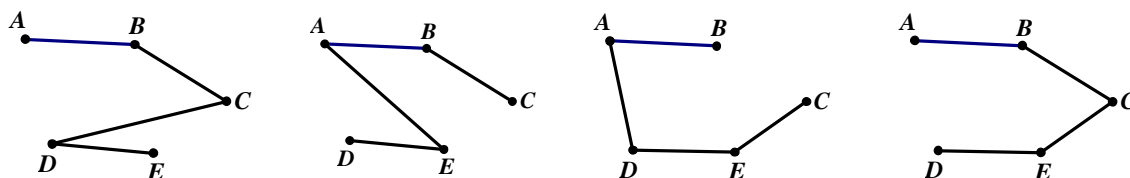
Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– Chiếu đề bài Luyện tập 1, phát phiếu học tập cho HS, GV hướng dẫn HS thực hiện ý a) (GV vẽ hình trực tiếp trên máy, cho HS quan sát, đọc các đoạn thẳng trên hình vẽ từ hai trong ba điểm A, B, C).	HS thực hiện cá nhân vào phiếu học tập.
– Yêu cầu HS thực hiện ý b).	HS vẽ hình, thực hiện.
GV chiếu kết quả, cho HS quan sát, đối chiếu.	Trao đổi chéo bài kiểm tra kết quả và báo cáo.
– Chiếu đề bài tập yêu cầu HS thực hiện cá nhân.	HS thực hiện cá nhân vào phiếu học tập.
Hỗ trợ HS nếu cần.	HS quan sát, nhận xét bài của bạn trên máy chiếu.
Thu phiếu, chiếu một số bài cho HS nhận xét, chấm điểm.	HS quan sát, nhận xét bài của bạn trên máy chiếu.

Hoạt động 4: VẬN DỤNG (7 phút)

a) **Mục tiêu:** HS sử dụng được dụng cụ học tập để vẽ hình và củng cố kiến thức về đoạn thẳng. Sáng tạo trong giải quyết các tình huống thực tiễn.

b) **Nội dung:** Vận dụng 1 (SGK tr.52).

c) **Sản phẩm:** HS có thể dùng suy luận hoặc vẽ hình và kết luận: Cần xây thêm ít nhất 3 cây cầu.



d) **Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<p>Cho HS đọc yêu cầu đề bài. Hướng dẫn HS thực hiện chung.</p> <p>GV nhận xét, đánh giá, có thể vẽ hình thể hiện đáp án khác với HS.</p> <p>Chốt lại kiến thức đoạn thẳng: Cách đọc tên, vẽ đoạn thẳng.</p>	<p>HS đọc yêu cầu. Trình bày ý tưởng, trả lời, HS dưới lớp nhận xét chia sẻ.</p> <p>HS lên vẽ trên bảng.</p>

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC Ở NHÀ (1 phút)

- Ôn lại Hộp kiến thức.
- Đọc trước Phần 2. *Độ dài đoạn thẳng*.

Bài 34. ĐOẠN THẲNG. ĐỘ DÀI ĐOẠN THẲNG (Tiết 2)

I. MỤC TIÊU

1. Yêu cầu cần đạt

Nhận biết được khái niệm độ dài đoạn thẳng, đơn vị đo độ dài đoạn thẳng. Biết cách so sánh độ dài đoạn thẳng.

2. Phát triển năng lực

- Năng lực tư duy và lập luận toán học: HS so sánh được độ dài đoạn thẳng thông qua đo đạc, lập luận logic. Giải được bài toán có nội dung thực tế.
- Năng lực sử dụng đồ dùng và phương tiện học toán: Sử dụng được dụng cụ học tập và các phương tiện thích hợp để vẽ, đo độ dài đoạn thẳng.

3. Phẩm chất

Chăm chỉ: Chú ý lắng nghe, tích cực làm bài, kiên trì, sáng tạo, vượt khó để hoàn thành nhiệm vụ học tập mà giáo viên đưa ra.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV: Máy chiếu. Phiếu học tập. Các dụng cụ vẽ hình trên bảng: thước, compa, ê ke.

2. Chuẩn bị của HS: Các dụng cụ vẽ hình: thước, compa, ê ke.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động 1: MỞ ĐẦU (3 phút)

a) *Mục tiêu*: Nhắc lại kiến thức về đoạn thẳng.

b) *Nội dung*: Hãy vẽ đoạn thẳng AB. Lấy điểm M thuộc đoạn thẳng AB. Hãy kể tên các đoạn thẳng trên hình.

c) *Sản phẩm*: Các đoạn thẳng là: AB, AM, MB.



d) *Tổ chức thực hiện*:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
Giáo viên chiếu yêu cầu đề bài lên bảng. Yêu cầu HS thực hiện cá nhân.	HS thực hiện. 1 HS lên bảng trình bày. HS dưới lớp nhận xét.

Nhận xét bài làm của HS. Sau đó GV dẫn dắt vào bài mới: Để so sánh các đoạn thẳng trên ta sẽ đo độ dài của chúng. Vậy độ dài đoạn thẳng là gì?	
--	--

Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI (22 phút)

2. Độ dài đoạn thẳng

2.1. Độ dài và đơn vị đo độ dài

a) **Mục tiêu:** HS nhận biết mỗi đoạn thẳng có một độ dài. Đơn vị đo độ dài. Đo được độ dài đoạn thẳng và cộng các đoạn thẳng.

b) **Nội dung:** Tìm tòi – Khám phá, Hộp kiến thức, Bài tập [?] (SGK tr.52, 53).

c) **Sản phẩm:**

– HĐ3: Kết quả đo của HS.

– HĐ4: Quyển sách có chiều dài 26,5 cm, chiều rộng 19 cm.

+ Hộp kiến thức: Mỗi đoạn thẳng có một *độ dài*. Khi chọn một đơn vị độ dài thì độ dài mỗi đoạn thẳng được biểu diễn bởi một số dương (thường viết kèm đơn vị).

+ Bài tập [?]: Các đơn vị đo độ dài: mm, cm, dm, m, dam, km,...

+ Chú ý: $AB = AM + MB$.



d) **Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– GV giới thiệu hình ảnh về dụng cụ đo độ dài đoạn thẳng (SGK tr.52). – Cho HS thực hiện HĐ3, HĐ4 cá nhân sau đó trả lời câu hỏi. GV nhận xét. Lưu ý: HS có thể nhầm lẫn $19 \times 26,5$ là phép nhân 2 số. GV giải thích rõ đó là chiều rộng, dài của cuốn sách. – Giới thiệu Nhận xét SGK. – Cho HS tự đọc phần Đọc hiểu – Nghe hiểu và trình bày về những kiến thức em tìm hiểu được. GV chốt kiến thức.	HS quan sát. HS thực hiện đo chiều dài của bàn học bằng gang tay, tìm hiểu về khổ sách và báo cáo kết quả. HS lớp nhận xét, chia sẻ. HS nghe. HS đọc, trình bày. HS đọc độ dài đoạn thẳng.

<p>GV chiếu hình 2.9 cho HS đọc độ dài đoạn thẳng AB, CD.</p> <p>Lưu ý độ dài đoạn thẳng AB còn gọi là khoảng cách giữa hai điểm A và B.</p> <p>– Cho HS trả lời Bài tập [?].</p> <p>Nhận xét, đánh giá.</p> <p>– Bằng tình huống cụ thể, GV hướng dẫn HS phép cộng đoạn thẳng.</p> <p>GV cho HS nhận xét về quan hệ giữa 3 điểm A, M, B trong Hình 8.30 \Rightarrow Nếu điểm M nằm giữa hai điểm A, B thì $AM + MB = AB$.</p>	<p>HS kể các đơn vị độ dài đã biết.</p> <p>HS lớp nhận xét, chia sẻ.</p> <p>HS thực hiện theo hướng dẫn rút ra được cách cộng đoạn thẳng.</p>
--	---

2.2. So sánh độ dài hai đoạn thẳng

a) **Mục tiêu:** HS đo được độ dài đoạn thẳng. So sánh được hai đoạn thẳng sử dụng đúng các kí hiệu “=”, “<”, “>”.

b) **Nội dung:** Tìm tòi – Khám phá, Ví dụ (SGK tr.53, 54).

c) **Sản phẩm:**

– HĐ5: Kết quả đo của HS.

$$AB = 3 \text{ cm}, CD = 4 \text{ cm}, EG = 3 \text{ cm}.$$

a) Đoạn thẳng AB có độ dài bằng đoạn thẳng EG.

b) Trong các đoạn AB và CD, đoạn thẳng AB có độ dài nhỏ hơn.

c) Trong các đoạn CD và EG, đoạn thẳng CD có độ dài lớn hơn.

Nhận xét: Đoạn thẳng AB có độ dài bằng đoạn thẳng EG ta viết: $AB = EG$.

Đoạn thẳng AB có độ dài nhỏ hơn đoạn thẳng CD, ta viết $AB < CD$ hoặc $CD > AB$.

Ví dụ : a) $AB = 4 \text{ cm}, BC = 2 \text{ cm}, AC = 6 \text{ cm}$.

b) Ta có: $AB + BC = 4 + 2 = 6 \text{ (cm)}$.

Vậy độ dài đoạn thẳng AC bằng tổng độ dài hai đoạn thẳng AB và BC. Ta viết $AC = AB + BC$.



d) **Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– Cho HS thực hiện HĐ5.	HS thực hiện cá nhân, báo cáo kết quả. HS ghi vở.

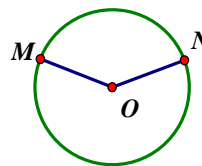
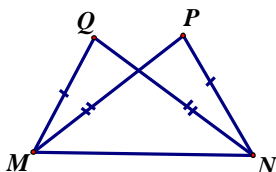
<p>Hướng dẫn HS kí hiệu đoạn thẳng bằng nhau, lớn hơn, nhỏ hơn.</p> <p>Chú ý rằng khi so sánh hai đoạn thẳng phải đưa chúng về cùng đơn vị đo.</p> <p>– GV vẽ hình Ví dụ (SGK). Hướng dẫn HS phân tích và làm phép tính, mời 1 HS lên bảng thực hiện.</p> <p>GV quan sát, hỗ trợ HS.</p> <p>Nhận xét, đánh giá.</p>	<p>HS quan sát, thực hiện theo hướng dẫn. 1 HS lên bảng, HS dưới lớp vẽ hình và thực hiện cá nhân.</p>
---	--

Hoạt động 3: LUYỆN TẬP (14 phút)

- a) **Mục tiêu:** HS đo, so sánh được độ dài đoạn thẳng, kí hiệu đúng các đoạn bằng nhau trong hình. Sử dụng đồ dùng vẽ được hình theo yêu cầu.
- b) **Nội dung:** Phiếu học tập Luyện tập 2; Bài tập 8.10; 8.13 (SGK tr.54).
- c) **Sản phẩm:**

Luyện tập 2: $MQ = NP$; $MP = NQ$.

Bài tập 8.10: $OM = ON$.



Bài tập 8.13: Sắp xếp theo thứ tự tăng dần của độ dài: CD, EF, GH, AB, IK.

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<p>– Chiếu đề bài Luyện tập 2, hướng dẫn HS kí hiệu, cách viết 2 đoạn thẳng bằng nhau.</p> <p>Yêu cầu HS thực hiện ý b) trên phiếu học tập cá nhân, đối chiếu kết quả và báo cáo.</p> <p>GV chiếu đáp án trên bảng, chốt lại cách đo, kí hiệu các đoạn thẳng bằng nhau trên hình vẽ.</p> <p>– Chiếu đề bài và cho HS thực hiện cá nhân Bài tập 8.10.</p> <p>GV vẽ đường tròn trên bảng, yêu cầu 1 HS lên lấy điểm M, N thuộc đường tròn, đo OM, ON và so sánh OM, ON.</p>	<p>HS thực hiện cá nhân sau đó đối chiếu kết quả theo cặp.</p> <p>Báo cáo, chia sẻ.</p> <p>HS vẽ hình, thực hiện.</p> <p>1 HS lên bảng thực hiện.</p>

<p>Nhận xét, đánh giá bài làm của HS.</p> <p>Chú ý cho HS: Mọi điểm nằm trên đường tròn đều cách đều tâm của đường tròn đó.</p> <p>– Chiều đề Bài tập 8.13, yêu cầu HS thực hiện cá nhân.</p> <p>Hỗ trợ HS nếu cần.</p> <p>GV chụp và chiếu một số bài cho HS nhận xét.</p> <p>GV chốt lại kiến thức về so sánh độ dài đoạn thẳng.</p>	<p>Trao đổi chéo bài kiểm tra kết quả và báo cáo.</p> <p>HS thực hiện cá nhân (đo trực tiếp độ dài các đoạn thẳng trong Hình 8.34 (SGK tr.54). Sau đó sắp xếp theo thứ tự tăng dần, báo cáo kết quả.</p> <p>HS quan sát, nhận xét bài của bạn trên máy chiếu.</p>
--	---

Hoạt động 4: VẬN DỤNG (4 phút)

- a) **Mục tiêu:** HS sử dụng được dụng cụ học tập để đo đoạn thẳng, so sánh các đoạn thẳng trong thực tế.
- b) **Nội dung:** Vận dụng 2 (SGK tr.54).
- c) **Sản phẩm:** Kết quả đo của HS.
- d) **Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<p>Yêu cầu HS thực hiện cá nhân, đo bút của mình và so sánh độ dài của bút với thước.</p> <p>GV nhận xét, chú ý cho HS về cách đo, cách đặt thước. Lấy cùng một đơn vị độ dài khi so sánh.</p>	<p>HS thực hiện yêu cầu. Một vài em trình bày kết quả, HS dưới lớp nhận xét chia sẻ.</p>

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC Ở NHÀ (2 phút)

- Ôn lại nội dung toàn bài.
- Làm bài tập: 8.11; 8.12; 8.14 (SGK tr.54).
- Đọc trước Bài 35. *Trung điểm của đoạn thẳng.*